TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2023/DS - ST Ngày 31- 8-2023 V/v Yêu cầu chia di sản thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Thắng;

Bà Lý Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thùy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 06/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về Yêu cầu chia di sản thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐ-TA ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vi Văn Đ, sinh năm 1971; cư trú tại: Thôn L (trước đây là thôn T), xã Đ (trước đây là xã Q), huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị T – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Các bị đơn:*

1. Ông Vi Văn S; sinh năm 1952; vắng mặt.

2. Ông Vi Văn D; sinh năm 1958; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn L (trước đây là thôn T), xã Đ (trước đây là xã Q), huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vi Văn S; sinh năm 1976; vắng mặt.

2. Bà Vi Thị T, sinh năm 1975; vắng mặt.

3. Bà Vi Thị X, sinh năm 1956; vắng mặt.

4. Bà Vi Thị H, sinh năm 1961; vắng mặt.

5. Bà Vi Thị S, sinh năm 1969; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn L(trước đây là thôn T), xã Đ (trước đây là xã Q), huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

6. Bà Vi Thị P, sinh năm 1950; cư trú tại: Thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Vi Thị H, sinh năm 1964; cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Bà Vi Thị S, sinh năm 1967; cư trú tại: Thôn M (trước đây là thôn T), xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

9. Bà Lâm Thị C, sinh năm 1970; vắng mặt.

10. Anh Vi Văn Q, sinh năm 1996; vắng mặt.

11. Chị Vi Thị V, sinh năm 1994; có mặt.

12. Chị Vi Thị K, sinh năm 2000; vắng mặt.

13. Anh Vi Văn K, sinh năm 2003; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn L(trước đây là thôn T), xã Đ (trước đây là xã Q), huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người làm chứng:* Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1967; cư trú tại: Thôn L(trước đây là thôn T), xã Đ (trước đây là xã Q), huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2022, đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2023 cùng những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Vi Văn Đ trình bày:

Bố mẹ của ông Vi Văn Đ là ông Vi Phúc Đ (chết năm 2011) và bà Phùng Thị N (chết năm 1998) là vợ chồng, có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có 09 con chung là bà Vi Thị P, ông Vi Văn S, bà Vi Thị X, ông Vi Văn D, bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S, ông Vi Văn Đ, ngoài ra không có con đẻ, con nuôi nào khác. Ông Vi Văn Đ và bà Lâm Thị C tuy không đăng ký kết hôn nhưng chung sống như vợ chồng từ năm 1993 và có 04 con chung là chị Vi Thị V, anh Vi Văn Q, chị Vi Thị K và anh Vi Văn K, ngoài ra không có con đẻ, con nuôi nào khác.

Cuối những năm 1980 (khoảng năm 1988-1989), sau khi Hợp tác xã tan rã, các con của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N đã lập gia đình, ra ở riêng thì ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N phân chia tài sản là ruộng, vườn và đồi rừng cho 03 con trai là ông Vi Văn S, ông Vi Văn D và ông Vi Văn Đ quản lý, sử dụng đến nay. Việc chia đất đai chỉ họp gia đình để bàn bạc trong thời gian khoảng 02 (hai) tháng mới thống nhất và không lập giấy tờ gì. Riêng đất ao thuộc thửa đất số 156 diện tích 918m^2 tờ bản đồ số 12 bản đồ xã Q (nay là xã Đ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn là ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N không chia mà để lại cho người con nào nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ đến khi bố mẹ chết thì được hưởng thừa kế. Vì ông Vi Văn Đ là người trực tiếp chung sống và phụng dưỡng, chăm sóc ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N đến khi chết nên ông Vi Văn Đ được hưởng thừa kế đất ao thuộc thửa đất số 156 diện tích 918m^2 tờ bản đồ số 12 bản đồ xã Q (nay là xã Đ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Theo ông Vi Văn Đ, trường hợp ông Vi Văn S, ông Vi Văn D hoặc người con khác sống cùng bố mẹ, nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ đến khi bố mẹ chết thì cũng được thừa kế cái ao này. Năm 1994, ông Vi Văn Đ kê khai diện tích thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất ở nông thôn trong đó có thửa đất số 156 diện tích 918m^2. Năm 1995, ông Vi Văn Đ đã kê khai thừa kế đối với đất ao thuộc thửa đất số 156 diện tích 918m^2 tờ bản đồ số 12 bản đồ xã Q (nay là xã Đ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất ao và đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0560740, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00141 QSDĐ ngày 19/04/1995. Sau đó, bà Phùng Thị N bị ung thư và được vợ chồng ông Vi Văn Đ, bà Lâm Thị C chăm sóc đến khi chết vào năm 1998. Ông Vi Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc ông Vi Phúc Đ đến khi ông Vi Phúc Đ chết vào năm 2011. Khoảng năm 2012-2013, đất ao thuộc thửa số 156 diện tích 918m^2 tờ bản đồ số 12 bản đồ xã Q (nay là xã Đ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn được đo vẽ, chỉnh lý lại thành thửa đất số 181 diện tích là 1.478m^2 tờ bản đồ địa chính số 30 (nay là tờ bản đồ số 267) xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2014, ông Vi Văn Đ tiến hành kê khai, cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất ao thuộc thửa đất số 156 diện tích 918m^2 tờ bản đồ số 12 bản đồ xã Q (nay là xã Đ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn nay là thửa đất số 181 diện tích là 1.478m^2 tờ bản đồ địa chính số 30 (nay là tờ bản đồ số 267) xã Đ. Năm 2017 và năm 2018, ông Vi Văn Đ nhiều lần đến Ủy ban nhân dân xã Đ (xã Q cũ) đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất ao nhưng không được cấp vì thửa đất ao này đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Văn S và bà Vi Thị T (là con trai và con dâu của ông Vi Văn S). Ông Vi Văn Đ đã kiến nghị đến Ủy ban nhân dân huyện L về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ao nêu trên cho hộ ông Vi Văn S và bà Vi Thị T là không đúng đối tượng. Năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện L đã giải quyết kiến nghị và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Vi Văn S và bà Vi Thị T đối với thửa đất số 181 diện tích là 1.478m^2 tờ bản đồ địa chính số 30 (nay là tờ bản đồ số 267) xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đến nay, ông Vi Văn Đ vẫn không thực hiện được thủ tục kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 181 diện tích là 1.478m^2 tờ bản đồ địa chính số 30 (nay là tờ bản đồ số 267) xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do có

tranh chấp với các bị đơn là ông Vi Văn S và ông Vi Văn D từ năm 2019 và chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết dứt điểm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vi Văn Đ nhất trí với kết quả đo đạc, chồng ghép bản đồ, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện L. Nguyên đơn ông Vi Văn Đ xác định đất tranh chấp có diện tích là 1.478m^2 thuộc thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 (nay là tờ bản đồ số 267) xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Thôn L(trước đây là thôn T), xã Đ (trước đây là xã Q), huyện L, tỉnh Lạng Sơn có giá trị là 35.000 đồng/m^2. Tài sản trên đất gồm có: 01 cây hồng đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây lựu đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây bưởi đường kính gốc từ 05cm-10cm, 01 cây chuối tây đang ra quả, 04 cây chuối tây dưới 01 năm đều do ông Vi Văn Đ và bà Lâm Thị C trồng được khoảng 07-08 năm, trong ao nuôi cá thịt các loại cá trôi, cá trắm, cá chép, cá mè cũng do ông Vi Văn Đ và bà Lâm Thị C thả... Ngoài ra có 01 gốc cây nhãn đã bị chết không yêu cầu xem xét thẩm định, không yêu cầu Tòa án giải quyết về gốc cây nhãn. Ông Vi Văn Đ xác định thửa đất số 181 diện tích là 1.478m^2 thuộc tờ bản đồ địa chính số 30 (nay là số 267) xã Đ chính là thửa đất số 156 diện tích 918m^2 (diện tích sau số hóa là 913,8m^2) thuộc tờ bản đồ số 12 bản đồ xã Q (nay là xã Đ). Phần diện tích đất ao hiện nay lớn hơn so với trước đây là do ông Vi Văn Đ bồi đắp bờ ao để trồng các cây ăn quả và phần diện tích đất này không có tranh chấp với các ông Vi Văn S, ông Vi Văn D.

Tại các đơn khởi kiện nguyên đơn ông Vi Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 181 diện tích là 1.478m^2 thuộc tờ bản đồ địa chính số 30 (nay là số 267) xã Đ và tài sản trên đất. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 04/8/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vi Văn Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ (chết năm 2011) và bà Phùng Thị N (chết năm 1998) là quyền quản lý, sử dụng diện tích 913,8m^2 (diện tích sau số hóa của thửa đất 156 diện tích 918m^2 tờ bản đồ số 12 bản đồ xã Q cũ) thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 (nay là số 267) xã Đ cho ông Vi Văn Đ được hưởng vì ông Vi Văn Đ là người nuôi dưỡng, chăm sóc, phụng dưỡng ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N đến khi chết. Ông Vi Văn Đ yêu cầu được sở hữu toàn bộ cá trong ao do ông Vi Văn Đ và bà Lâm Thị C thả. Ông Vi Văn Đ rút yêu cầu giải quyết đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 564,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ và tài sản trên đất gồm có: 01 cây hồng đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây lựu đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây bưởi đường kính gốc từ 05cm-10cm, 01 cây chuối tây đang ra quả, 04 cây chuối tây dưới 01 năm vì đây là diện tích đất ông Vi Văn Đ bồi đắp bờ ao và diện tích đất sạt lở tài sản trên đất do ông Vi Văn Đ và bà Lâm Thị C tạo lập và không có tranh chấp với các đương sự. Ông Vi Văn Đ đề nghị giải quyết chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật, miễn án phí cho ông trong trường hợp phải chịu án phí vì là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại những lời khai trong hồ sơ, các bị đơn ông Vi Văn S và ông Vi Văn D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Văn Đ và trình bày như sau: Đất ao tranh chấp có nguồn gốc là của bố mẹ các đương sự là ông Vi Phúc Đ (chết năm 2011) và bà Phùng Thị N (chết năm 1998) để lại cho các con trai là Vi Văn S, Vi Văn D và Vi Văn Đ cùng sử dụng chung. Năm 1989, sau khi tan Hợp tác xã thì ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N chia tài sản cho 03 con trai là Vi Văn S, Vi Văn D và Vi Văn Đ. Do ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N không biết chữ nên 03 con trai là ông Vi Văn S, ông Vi Văn D và ông Vi Văn Đ cùng nhau thỏa thuận, phân chia toàn bộ ruộng, vườn, đồi rừng thành 03 phần và được ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N nhất trí. Thứ tự nhận tài sản là ông Vi Văn S nhận trước, đến ông Vi Văn Đ và ông Vi Văn D nhận sau cùng. Ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N chỉ có 01 thửa đất ao nên không chia cho ai mà vẫn bảo các con là ao chung, ba anh em cùng thả cá, đánh bắt cá. Do các ông Vi Văn S, ông Vi Văn D và ông Vi Văn Đ sống gần nhau nên cùng nhau quản lý, sử dụng đất ao, cùng nộp thuế đất ao, cùng đi mua cá giống về thả và cùng đánh bắt cá ăn đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn tranh chấp đất ao thì không thả cá chung nữa. Việc ba anh em cùng sử dụng ao chung thì cả làng đều biết. Tuy ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N sống cùng ông Vi Văn Đ nhưng ông Vi Văn S và ông Vi Văn D vẫn thực hiện trách nhiệm của người con, các ông đưa bố mẹ đi bệnh viện, hỗ trợ tiền và chăm lo cho bố mẹ khi bố mẹ ốm đau, tổ chức mai táng và thờ cúng khi bố mẹ qua đời. Khoảng năm 2013-2014, sau khi ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N đều đã chết thì ông Vi Văn S và ông Vi Văn D bàn bạc, thống nhất là ông Vi Văn S kê khai đất ao thì ba anh em mới tiếp tục sử dụng ao chung được. Do ông Vi Văn S không có giấy tờ tùy thân hợp lệ nên vợ chồng con trai của ông Vi Văn S là ông Vi Văn S và bà Vi Thị T mới kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ao với diện tích là diện tích là 1.478m^2 thuộc thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 (nay là số 267) xã Đ vào năm 2014. Các bị đơn cũng xác định diện tích đất ao mà ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N để lại chỉ hơn 02 (hai) sào, khoảng 900m^2 và diện tích đất ao bây giờ rộng hơn là do ông Vi Văn Đ bồi đắp bờ ao, trồng cây ăn quả và một phần diện tích đất giáp ranh của các bị đơn bị sạt lở xuống ao. Nay, các bị đơn có quan điểm quyền sử dụng đất ao mà ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N để lại là tài sản chung của ba anh em Vi Văn S, Vi Văn D và Vi Văn Đ nhưng có tranh chấp thì khó sử dụng chung được nữa. Vì vậy, các bị đơn ưu tiên cho nguyên đơn ông Vi Văn Đ lấy ao trước, tiếp sau là anh cả ông Vi Văn S lấy ao, nếu không ai lấy ao nữa thì ông Vi Văn D mới lấy và người nào được đất ao thì có nghĩa vụ thanh toán cho hai người còn lại mỗi người 1/3 giá trị của đất ao. Các bị đơn đề nghị giải quyết chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật, miễn án phí cho các bị đơn trong trường hợp phải chịu án phí vì là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại những lời khai trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm bà Lâm Thị C, chị Vi Thị V, anh Vi Văn Q, chị Vi Thị K và anh Vi Văn K cùng ý kiến, yêu cầu với nguyên đơn ông Vi Văn Đ. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Vi Văn Đ được quản lý, sử dụng đất ao tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất.

Tại những lời khai trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn là ông Vi Văn S cùng ý kiến, yêu cầu với các bị đơn, xác định quyền sử dụng đất ao tranh chấp là tài sản chung của ba anh em Vi Văn S, Vi Văn D và Vi Văn Đ. Vợ chồng ông Vi Văn S và bà Vi Thị T thay ông Vi Văn S kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ao nhưng đã bị thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, vợ chồng ông Vi Văn S không có yêu cầu quản lý, sử dụng gì đối với đất ao tranh chấp.

Tại những lời khai trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị P trình bày: Đất ao tranh chấp là tài sản chung của ba anh em Vi Văn S, Vi Văn D và Vi Văn Đ vì bố mẹ chỉ chia ruộng, vườn, đồi còn ao là chung của ba anh em trai vì không có giấy tờ gì của bố mẹ và theo phong tục của gia đình thì tài sản chỉ để cho các con trai, các con gái đi lấy chồng, làm ăn riêng thì không có phần. Bà Vi Thị P đề nghị Tòa án giải quyết cho cả ba anh em Vi Văn S, Vi Văn D và Vi Văn Đ cùng được sử dụng chung ao như từ trước tới nay. Trường hợp, phải chia đất ao là di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N theo quy định của pháp luật thì kỷ phần mà bà Vi Thị P được hưởng sẽ chia đều cho ba anh Vi Văn S, Vi Văn D và Vi Văn Đ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị X trình bày đất ao có nguồn gốc là tài sản của bố mẹ là ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N nhưng nay anh em trong gia đình tranh chấp thì bà không có yêu cầu gì về đất ao, không nhận kỷ phần thừa kế đối với đất ao, bà không có nghĩa vụ gì phải thi hành với người khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị H trình bày bà không có yêu cầu quản lý, sử dụng đất ao tranh chấp và tài sản trong ao; đất ao có nguồn gốc là của bố mẹ là ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N để lại cho người con phụng dưỡng, chăm sóc bố mẹ đến khi chết. Bà Vi Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Vi Văn Đ được quản lý, sử dụng toàn bộ đất ao tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất vì là người phụng dưỡng bố mẹ. Trường hợp Tòa án chia đất ao là di sản thừa kế thì kỷ phần thừa kế của bà để lại cho ông Vi Văn Đ.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S trình bày: Đất ao tranh chấp giữa ba anh em trai có nguồn gốc là của bố mẹ là ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N để lại. Trước đây bố mẹ chỉ chia ruộng, vườn, rừng cho các con trai, không chia cho con gái theo phong tục. Thửa đất ao là tài sản bố mẹ chưa chia mà để lại cho người con nào phụng dưỡng, chăm sóc bố mẹ đến khi chết. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Vi Văn Đ được quản lý, sử dụng toàn bộ đất ao tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất vì ông Vi Văn Đ là người phụng dưỡng bố mẹ. Trường hợp Tòa án chia đất ao là di sản thừa kế thì kỷ phần thừa kế của các bà để lại cho ông Vi Văn Đ.

Người làm chứng ông Hoàng Văn L trình bày: Ông là người thu thuế theo sản phẩm từ năm 1985 đến1987 và sau thu thuế bằng tiền tại thôn T (nay là Thôn L), xã Q (nay là xã Đ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn đến khi Nhà nước miễn thuế (năm nào thì không nhớ). Gia đình ông Vi Phúc Đ đóng thuế đầy đủ, trong đó thửa đất ao do cả ba anh em trai là Vi Văn S, Vi Văn D và Vi Văn Đ cùng đóng góp, nộp thuế đất ao vì ba anh em đã thống nhất thực hiện như thế. Ông Hoàng Văn L sống cùng thôn làng với 03 anh em Vi Văn S, Vi Văn D và Vi Văn Đ nên biết ao tranh

chấp là ao chung của 03 anh em vì cả ba anh em cùng đi lấy cá giống, cùng thả cá, đánh bắt cá ăn từ khi ông Vi Phúc Đ, bà Phùng Thị N còn sống đến khi tranh chấp mấy năm gần đây thì không cùng thả cá nữa.

Tại Công văn số 2043/UBND-TNMT ngày 07/7/2023 V/v cung cấp thông tin, ý kiến và tài liệu cho Tòa án của Ủy ban nhân dân huyện L thể hiện: Năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BL 372488, số vào sổ cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất số CH 02149 ngày 24/4/2014 cho hộ ông Vi Văn S và bà Vi Thị T quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 181 tờ bản đồ số 30 bản đồ địa chính xã Đ. Ngày 31/12/2019, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 7088/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, hủy bỏ một số nội dung Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện L, tại Điều 1 thể hiện "Hủy bỏ việc công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 181 tờ bản đồ số 30 bản đồ địa chính xã Q (nay là xã Đ) đã cấp cho hộ ông Vi Văn S và bà Vi Thị T, trú tại thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tại Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện L." Hiện nay, thửa đất số 181 tờ bản đồ số 30 bản đồ địa chính xã Đ chưa có cá nhân, cơ quan, tổ chức nào thực hiện kê khai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 181 tờ bản đồ số 30 bản đồ địa chính xã Đ có thể giao quyền quản lý và sử dụng theo quy định.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện đất tranh chấp có diện tích là 913,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 (nay là tờ bản đồ số 267) xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có nguồn gốc là di sản của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N để lại. Nguyên đơn ông Vi Văn Đ là người con có công sức phụng dưỡng, chăm sóc bố mẹ là ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N đến khi bố mẹ chết, được các chị gái là bà Vi Thị P, bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S và bà Vi Thị S tặng cho kỷ phần thừa kế. Tại buổi đối chất ngày 27/7/2023, các bị đơn ông Vi Văn S và ông Vi Văn D cùng ý kiến chia đất ao tranh chấp bằng hiện vật cho một người sử dụng theo thứ tự ưu tiên ông Vi Văn Đ nhận trước sau đó là ông Vi Văn S và cuối cùng là ông Vi Văn D. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Vi Văn Đ, chia di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N cho ông Vi Văn Đ được hưởng là quyền quản lý, sử dụng diện tích 913,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 (nay là tờ bản đồ số 267) xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Vi Văn Đ là người thả và nuôi cá trong ao nên ông Vi Văn Đ được sở hữu cá nuôi trong ao. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 564,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ và tài sản trên đất gồm có: 01 cây hồng đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây lựu đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây bưởi đường kính gốc từ 05cm-10cm, 01 cây chuối tây đang ra quả, 04 cây chuối tây dưới 01 năm vì ông Vi Văn Đ rút yêu cầu. Đề nghị giải quyết chi phí tố tụng theo quy định và miễn án phí cho ông Vi Văn Đ vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, tất cả những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Vi Văn Đ, chia di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ (chết năm 2011) và bà Phùng Thị N (chết năm 1998) là quyền quản lý, sử dụng diện tích 913,8m^2 (sau số hóa thửa đất số 156 tờ bản đồ địa chính số 12 xã Q cũ) thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ có giá trị là 31.983.000 đồng (ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là ông Vi Văn Đ, ông Vi Văn S, ông Vi Văn D, bà Vi Thị P, bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S mỗi người được hưởng kỷ phần bằng nhau. Do bà Vi Thị X từ chối nhận thừa kế nên không xem xét chia kỷ phần cho bà Vi Thị X. Ngoài ra, ông Vi Văn Đ được chia thêm 02 (hai) kỷ phần thừa kế vì có công phụng dưỡng, chăm sóc ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N đến khi chết. Như vậy, di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N là quyền quản lý, sử dụng diện tích 913,8m^2 (sau số hóa thửa đất số 156 tờ bản đồ địa chính số 12 xã Q cũ) thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ có giá trị là 31.983.000 đồng (ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng) được chia thành 10 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị là 3.198.300 đồng (ba triệu một trăm chín mươi tám nghìn ba trăm đồng). Vì bà Vi Thị P tự nguyện tặng cho ông Vi Văn S, ông Vi Văn D và ông Vi Văn Đ kỷ phần thừa kế của mình nên các ông Vi Văn S, ông Vi Văn D và ông Vi Văn Đ mỗi người được hưởng thêm 1/3 kỷ phần thừa kế. Vì các bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S tự nguyện tặng cho ông Vi Văn Đ kỷ phần thừa kế của mình nên ông Vi Văn Đ được hưởng thêm 04 kỷ phần thừa kế. Như vậy, di sản thừa kế mà ông Vi Văn Đ được hưởng và được tặng cho từ kỷ phần của bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S và Vi Thị P có tổng giá trị là 23.454.200 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn hai trăm đồng). Di sản thừa kế mà ông Vi Văn S được hưởng và được tặng cho từ kỷ phần của bà Vi Thị P có tổng giá trị là 4.264.400 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm đồng). Di sản thừa kế mà ông Vi Văn D được hưởng và được tặng cho từ kỷ phần của bà Vi Thị P có tổng giá trị là 4.264.400 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm đồng). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và các bị đơn cùng có ý kiến chia di sản của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N là hiện vật cho một người thừa kế để quản lý, sử dụng hiệu quả theo thứ tự ưu tiên ông Vi Văn Đ nhận trước sau đó là ông Vi Văn S và cuối cùng là ông Vi Văn D. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 620, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 658, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; chia di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà

Phùng Thị N cho ông Vi Văn Đ bằng hiện vật là quyền quản lý, sử dụng diện tích 913,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267), địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có giá trị là 31.983.000 đồng (ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng). Ông Vi Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho các bị đơn ông Vi Văn S và ông Vi Văn D mỗi người số tiền 4.264.400 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm đồng) tương ứng với phần di sản thừa kế mà ông Vi Văn S và ông Vi Văn D được hưởng. Đối với tài sản là số cá trong ao do ông Vi Văn Đ và bà Lâm Thị C thả, nuôi và tự nguyện thỏa thuận để ông Vi Văn Đ được sở hữu cá nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với tranh chấp về quyền sử dụng diện tích 564,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ và tài sản trên đất gồm có: 01 cây hồng đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây lựu đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây bưởi đường kính gốc từ 05cm-10cm, 01 cây chuối tây đang ra quả, 04 cây chuối tây dưới 01 năm do ông Vi Văn Đ rút yêu cầu. Đề nghị giải quyết chi phí tố tụng theo quy định, cụ thể: Ông Vi Văn Đ phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với yêu cầu đã rút và phần thừa kế được chia; ông Vi Văn S và ông Vi Văn D phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần thừa kế được chia. Đề nghị miễn án phí cho nguyên đơn và các bị đơn vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn ông Vi Văn S, ông Vi Văn D; vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn S, bà Vi Thị Tiềm, bà Lâm Thị C, chị Vi Thị K, anh Vi Văn Q, vắng mặt người làm chứng ông Hoàng Văn L không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị P, bà Vi Thị X và bà Vi Thị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn tại các đơn khởi kiện, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/8/2023 và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp của nguyên đơn và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là "Yêu cầu chia di sản thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất". Đất tranh chấp tại Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân và hàng thừa kế theo quy định của pháp luật: Ông Vi Phúc Đ (chết năm 2011) và bà Phùng Thị N (chết năm 1998) là vợ chồng, có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có 09 con chung là bà Vi Thị P, ông Vi Văn S, bà Vi Thị X, ông Vi Văn D, bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S, ông Vi

Văn Đ, ngoài ra không có con đẻ, con nuôi nào khác. Ông Vi Phúc Đ chết năm 2011 và bà Phùng Thị N chết năm 1998 đều không để lại di chúc, không còn cha mẹ đẻ nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N là bà Vi Thị P, ông Vi Văn S, bà Vi Thị X, ông Vi Văn D, bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S, ông Vi Văn Đ.

[4] Các đương sự đều thống nhất xác định di sản của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N để lại chưa chia là ao cá thuộc thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267), địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả số hóa, chồng ghép bản đồ cho thấy thửa đất số 181 diện tích là 1.478m^2 thuộc tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ trước đây là thửa đất số 156 diện tích 918m^2 (diện tích sau số hóa là 913,8m^2) thuộc tờ bản đồ số 12 bản đồ xã Q (nay là xã Đ). Diện tích đất chênh lệch là 564,2 m^2 là do ông Vi Văn Đ bồi đắp bờ ao để trồng cây và một phần đất liền kề do ông Vi Văn S và ông Vi Văn D sử dụng bị sạt lở.

[5] Nguyên đơn ông Vi Văn Đ rút yêu cầu giải quyết đối với quyền sử dụng diện tích 564,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267), huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản; tài sản trên đất gồm có: 01 cây hồng đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây lựu đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây bưởi đường kính gốc từ 05cm-10cm, 01 cây chuối tây đang ra quả, 04 cây chuối tây dưới 01 năm; địa chỉ: Thôn L(trước đây là thôn T), xã Đ (trước đây là xã Q), huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Vi Văn Đ quyền sử dụng diện tích 564,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267), huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên đất. Diện tích 564,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267), huyện L, tỉnh Lạng Sơn gồm các phần diện tích cụ thể sau: Diện tích 292,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 (ký hiệu thửa tạm 181.2) tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-C6-C5-C4-C2-C1-A10; diện tích 36,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 (ký hiệu thửa tạm 181.3) tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm C5-C6-A5-C7; diện tích 113,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 (ký hiệu thửa tạm 181.4) tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm C7-A5-A6-A7-C3-C8; diện tích 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 (ký hiệu thửa tạm 181.5) tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm C1-C2-C3-A7-A8-A9 cùng thể hiện tại Phụ lục kèm theo bản án do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

[6] Nguyên đơn ông Vi Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Vi Văn Đ được hưởng di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N là quyền quản lý, sử dụng diện tích 913,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267) có giá trị là 31.983.000 đồng (ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng), địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vì ông Vi Văn Đ là người phụng dưỡng, chăm sóc bố mẹ đến khi bố mẹ chết. Các bị đơn ông Vi Văn S và ông Vi Văn D yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N là quyền quản lý, sử dụng diện tích 913,8m^2 thuộc một

phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ nêu trên cho cả ba anh em là ông Vi Văn S, ông Vi Văn D và ông Vi Văn Đ; ưu tiên chia thừa kế bằng hiện vật cho một người theo thứ tự ưu tiên cho ông Vi Văn Đ nhận trước, sau đó là ông Vi Văn S và ông Vi Văn D là người nhận cuối cùng khi cả ông Vi Văn Đ và ông Vi Văn S đều không nhận di sản bằng hiện vật; người được hưởng thừa kế bằng hiện vật có trách nhiệm thanh toán cho hai người còn lại mỗi người 1/3 giá trị tài sản thừa kế. Ngoài lời trình bày, nguyên đơn ông Vi Văn Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N tặng cho hoặc có di chúc để lại đất ao tranh chấp cho riêng ông Vi Văn Đ. Các bị đơn ông Vi Văn S và ông Vi Văn D cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N để lại đất ao tranh chấp cho cả ba người con trai là ông Vi Văn S, ông Vi Văn D và ông Vi Văn Đ cùng sử dụng chung. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thỏa thuận phân chia được di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N.

[7] Do các đương sự không thỏa thuận phân chia được di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N là quyền quản lý, sử dụng diện tích 913,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267) có giá trị là 31.983.000 đồng (ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng), địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật về thừa kế, xác định phần tài sản được hưởng thừa kế của từng đương sự như sau:

[8] Ông Vi Phúc Đ (chết năm 2011) và bà Phùng Thị N (chết năm 1998) đều không để lại di chúc nên di sản của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N được phân chia cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật. Bà Vi Thị X từ chối nhận di sản thừa kế mà không nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình đối với người khác là phù hợp với quy định tại Điều 620 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Vì vậy, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N là bà Vi Thị P, ông Vi Văn S, ông Vi Văn D, bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S, ông Vi Văn Đ.

[9] Các đương sự đều không yêu cầu thanh toán chi phí mai táng phí cho ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N; không yêu cầu thanh toán chi phí quản lý di sản của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông Vi Văn Đ yêu cầu được chia di sản thừa kế vì có công sức phụng dưỡng, chăm sóc bố mẹ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[10] Di sản của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N để lại là quyền quản lý, sử dụng diện tích 913,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267), địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có giá trị là 31.983.000 đồng (ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng) được chia cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Vi Thị P, ông Vi Văn S, ông Vi Văn D, bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S, ông Vi Văn Đ mỗi người hưởng một kỷ phần bằng nhau là 1/10 di sản của

ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N có giá trị là 3.198.300 đồng (ba triệu một trăm chín mươi tám nghìn ba trăm đồng). Vì ông Vi Văn Đ có công sức chăm sóc, phụng dưỡng ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N nên được chia thêm 02 kỷ phần là 2/10 di sản của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N có giá trị là 6.396.600 đồng (sáu triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

[11] Ông Vi Văn Đ và các bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S tự nguyện thỏa thuận thống nhất cho ông Vi Văn Đ được hưởng kỷ phần thừa kế của các bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S có tổng giá trị là 15.991.500 đồng (mười năm triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm đồng) là hợp pháp; bà Vi Thị P tự nguyện tặng kỷ phần thừa kế của mình cho các ông Vi Văn Đ, Vi Văn S và ông Vi Văn D mỗi người được 1/3 kỷ phần thừa kế của bà Vi Thị P có giá trị 1.066.100 đồng (một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm đồng) là hợp pháp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Di sản thừa kế mà ông Vi Văn Đ được hưởng theo pháp luật và được tặng cho từ kỷ phần của bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S và Vi Thị P có tổng giá trị là 23.454.200 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn hai trăm đồng).

[13] Di sản thừa kế mà ông Vi Văn S được hưởng theo pháp luật và được tặng cho từ kỷ phần của bà Vi Thị P có tổng giá trị là 4.264.400 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

[14] Di sản thừa kế mà ông Vi Văn D được hưởng và được tặng cho từ kỷ phần của bà Vi Thị P có tổng giá trị là 4.264.400 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

[15] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vi Văn Đ yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật. Tại buổi đối chất ngày 27/7/2023, các bị đơn ông Vi Văn S, ông Vi Văn D đều có ý kiến, yêu cầu chia di sản của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N bằng hiện vật cho một người thừa kế nhận theo thứ tự ưu tiên ông Vi Văn Đ nhận trước sau đó là ông Vi Văn S và cuối cùng là ông Vi Văn D. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị P có ý kiến bà đề nghị chia kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng cho cả ba anh em trai là ông Vi Văn S, ông Vi Văn D và ông Vi Văn Đ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S đề nghị chia kỷ phần thừa kế mà các bà được hưởng cho ông Vi Văn Đ để ông Vi Văn Đ nhận thừa kế bằng hiện vật. Như vậy, nguyên đơn ông Vi Văn Đ là người được chia di sản thừa kế, được tặng cho kỷ phần thừa kế và được các đồng thừa kế khác ưu tiên nhận thừa kế bằng hiện vật.

[16] Từ những phân tích, đánh giá trên, có đủ căn cứ để chia di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N như sau:

[17] Di sản thừa kế mà nguyên đơn ông Vi Văn Đ được hưởng theo pháp luật và được tặng cho từ kỷ phần của bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S và Vi Thị P có tổng giá trị là 23.454.200 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn hai trăm đồng). Ông Vi Văn Đ được nhận di sản thừa kế

bằng hiện vật là quyền quản lý, sử dụng diện tích 913,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267), địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có giá trị là 31.983.000 đồng (ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng). Ông Vi Văn Đ được sở hữu toàn bộ cá trong ao mà ông Vi Văn Đ và bà Lâm Thị C thả, nuôi. Ông Vi Văn Đ có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký đất đai theo quy định.

[18] Nguyên đơn ông Vi Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn ông Vi Văn S và bị đơn ông Vi Văn D mỗi người số tiền là 4.264.400 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm đồng) tương ứng với phần giá trị di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N mà ông bị đơn ông Vi Văn S và bị đơn ông Vi Văn D được chia và được tặng cho từ phần di sản thừa kế của bà Vi Thị P được chia.

[19] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Vi Văn Đ đã tạm ứng chi tổng cộng số tiền 15.630.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), bao gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.300.000 đồng, chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất và chồng ghép bản đồ là 12.330.000 đồng cho toàn bộ diện tích 1.478m^2 tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất là 51.730.000 đồng (năm mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng). Do các bên không thỏa thuận được về trách nhiệm chịu chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết trách nhiệm chịu chi phí tố tụng. Nguyên đơn ông Vi Văn Đ được chia thừa kế tài sản là quyền quản lý, sử dụng đất có tổng giá trị là 23.454.200 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn hai trăm đồng) nên phải chịu chi phí tố tụng là 7.084.000 đồng (bảy triệu không trăm tám mươi tư nghìn đồng) theo tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Vi Văn Đ rút yêu cầu đối với đối với quyền sử dụng diện tích 564,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267), huyện L, tỉnh Lạng Sơn có giá trị là 19.747.000 đồng (mười chín triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) và được Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết nên phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với yêu cầu đã rút là 5.966.000 đồng quy định tại khoản 4 Điều 157 và khoản 4 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tổng cộng số tiền chi phí tố tụng nguyên đơn ông Vi Văn Đ phải chịu là 13.053.000 đồng (mười ba triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng); xác nhận nguyên đơn ông Vi Văn Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng. Các bị đơn ông Vi Văn S và ông Vi Văn D mỗi người được chia thừa kế tài sản là quyền quản lý, sử dụng đất có tổng giá trị là 4.264.400 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm đồng) nên ông Vi Văn S và ông Vi Văn D mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là 1.288.500 đồng (một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng) theo tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn ông Vi Văn S và ông Vi Văn D mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông Vi Văn Đ số tiền chi phí tố tụng là 1.288.500 đồng (một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[20] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[21] Về án phí: Nguyên đơn ông Vi Văn Đ và các bị đơn ông Vi Văn S, ông Vi Văn D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[22] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 620, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 658, Điều 660, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 và khoản 4 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 và khoản 4 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Văn Đ. Chia di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N theo quy định của pháp luật như sau:

1.1. Nguyên đơn ông Vi Văn Đ được chia di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N và được tặng cho kỷ phần thừa kế của các bà Vi Thị H, bà Vi Thị H, bà Vi Thị S, bà Vi Thị S và bà Vi Thị P là quyền sử dụng diện tích 913,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 (ký hiệu thửa tạm 181.1) tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267), huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản; trị giá 31.983.000 đồng (ba mươi mốt triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng) địa chỉ: Thôn L(trước đây là thôn T), xã Đ (trước đây là xã Q), huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm C4-C5-C7-C8-C3-C2 thể hiện tại Phụ lục kèm theo bản án do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn cung cấp. Nguyên đơn ông Vi Văn Đ được sở hữu toàn bộ số cá trong ao.

1.2. Về nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản:

Nguyên đơn ông Vi Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn ông Vi Văn S số tiền là 4.264.400 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm đồng) tương ứng với phần giá trị di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N mà ông bị đơn ông Vi Văn S được chia và được tặng cho từ kỷ phần thừa kế của bà Vi Thị P.

Nguyên đơn ông Vi Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn ông Vi Văn D số tiền là 4.264.400 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm đồng) tương ứng với phần giá trị di sản thừa kế của ông Vi Phúc Đ và bà Phùng Thị N mà bị đơn ông Vi Văn D được chia và được tặng cho từ kỷ phần thừa kế của bà Vi Thị P.

2. Nguyên đơn ông Vi Văn Đ có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký đất đai theo quy định.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Văn Đ do ông Vi Văn Đ rút yêu cầu đối với quyền sử dụng diện tích 564,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267), huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản; tài sản trên đất gồm có: 01 cây hồng đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây lựu đường kính gốc từ 02cm-05cm, 01 cây bưởi đường kính gốc từ 05cm-10cm, 01 cây chuối tây đang ra quả, 04 cây chuối tây dưới 01 năm; địa chỉ: Thôn L(trước đây là thôn T), xã Đ (trước đây là xã Q), huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 564,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ (nay là tờ bản đồ số 267), huyện L, tỉnh Lạng Sơn gồm các phần diện tích cụ thể sau: Diện tích 292,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 (ký hiệu thửa tạm 181.2) tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-C6-C5-C4-C2-C1-A10; diện tích 36,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 (ký hiệu thửa tạm 181.3) tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm C5-C6-A5-C7; diện tích 113,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 (ký hiệu thửa tạm 181.4) tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm C7-A5-A6-A7-C3-C8; diện tích 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 181 (ký hiệu thửa tạm 181.5) tờ bản đồ địa chính số 30 xã Đ được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm C1-C2-C3-A7-A8-A9 cùng thể hiện tại Phụ lục kèm theo bản án do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

4. Về chi phí tố tụng và nghĩa vụ hoàn trả chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng của vụ án là 15.630.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng). Nguyên đơn ông Vi Văn Đ đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 15.630.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Vi Văn Đ phải chịu chi phí tố tụng là 13.053.000 đồng (mười ba triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng). Xác nhận ông Vi Văn Đ đã thực hiện xong.

Bị đơn ông Vi Văn S phải chịu chi phí tố tụng là 1.288.500 đồng (một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng). Bị đơn ông Vi Văn S có trách

nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông Vi Văn Đ số tiền chi phí tố tụng là 1.288.500 đồng (một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Bị đơn ông Vi Văn D phải chịu chi phí tố tụng là 1.288.500 đồng (một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng). Bị đơn ông Vi Văn D có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông Vi Văn Đ số tiền chi phí tố tụng là 1.288.500 đồng (một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng).

5. Nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang